

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – KHỐI 11
NĂM HỌC 2024-2025

Nội dung ôn tập từ bài 6 đến bài 8- học sinh chú ý những nội dung trọng tâm sau

Bài 6: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.

Câu 1. Quốc gia nào sau đây đã đấu tranh chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp từ thế kỷ XIX?

- A. Việt Nam. B. In-đô-nê-xia. C. Thái Lan. D. Phi-lip-pin.

Câu 2. Phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan diễn ra mạnh mẽ ở In-đô-nê-xia từ

- A. thế kỷ XVI đến XVII. B. thế kỷ XVII đến XIX.
C. thế kỷ XVI đến XX. D. thế kỷ XVII đến XX.

Câu 3. Đây là cuộc đấu tranh tiêu biểu nhất trong phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xia từ thế kỷ XVII đến XIX ?

- A. Cuộc đấu tranh do Đi-pô-nê-gô-rô lãnh đạo. C. Phong trào do Ong Kẹ và Si-vô-tha chỉ huy.
B. Cuộc đấu tranh của nhân dân trên đảo Java. D. Cuộc kháng chiến do Xu-các-nô lãnh đạo.

Câu 4. Vì sao quân Anh bị tổn thất nặng nề khi tiến hành xâm lược Miên Điện?

- A. Chiến tranh du kích của nhân dân. C. Khoảng cách quá xa, khó tiếp viện.
B. Khí hậu nắng nóng khắc nghiệt. D. Phong trào bãi công của công nhân.

Câu 5. Trong giai đoạn đầu xâm lược Việt Nam (1858-1859) Pháp đã sử dụng chiến thuật

- A. chinh phục từng gó nhỏ. B. chiến tranh chớp nhoáng.
C. đánh nhanh thắng nhanh. D. đánh chắc, tiến chắc.

Câu 6. Cuộc đấu tranh nào sau đây đã mở đầu cho phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Cam-pu-chia?

- A. cuộc đấu tranh của hoàng thân Si-vô-tha. C. phong trào kháng chiến do Đa-ga-hô chỉ huy.P
B. cuộc đấu tranh do Đi-pô-nê-gô-rô lãnh đạo. I D. cuộc kháng chiến do Xu-các-nô lãnh đạo.I

Câu 7. Phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á chuyển sang thời kỳ đấu tranh giành độc lập từ

- A. cuối thế kỷ XVIII. B. cuối thế kỷ XVII.
C. cuối thế kỷ XIX. D. cuối thế kỷ XX.

Câu 8. Nền tảng cho sự xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước Đông Nam Á trong giai đoạn cuối thế XIX đến năm 1920 là

- A. sự suy yếu của chủ nghĩa thực dân. B. giai cấp vô sản ra đời và phát triển.
C. ý thức hệ phong kiến dần thất bại. D. do giai cấp tư sản đã trưởng thành.

Câu 9. Từ đầu thế kỷ XX, ở Đông Nam Á, phong trào đấu tranh giành độc lập theo ý thức hệ phong kiến dần được thay thế bởi

- A. khuynh hướng dân chủ tư sản. B. khuynh hướng cách mạng vô sản.
C. chủ nghĩa tam dân của Trung Quốc. D. chủ nghĩa dân tộc và dân quyền.

Câu 10. Năm 1945, những quốc gia Đông Nam Á giành được độc lập là

- A. Việt Nam, Lào, Thái Lan. C. Việt Nam, Lào, In-đô-nê-xia.
B. Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan. D. Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan.

Câu 11. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia giành độc lập sớm nhất Đông Nam Á là

- A. Việt Nam. B. Thái Lan.
C. In-đô-nê-xia. D. Cam-pu-chia.

Câu 12. Sau khi giành độc lập, tình hình kinh tế các nước Đông Nam Á như thế nào?

- A. Phát triển rất mạnh mẽ. B. Nghèo nàn và lạc hậu.
C. Công nghiệp phát triển. D. Phát triển thương nghiệp.

Câu 13. Một trong những nội dung phản ánh đúng về tình hình chính trị của các nước Đông Nam Á sau khi giành được độc lập là

- A. thiết lập chế độ quân chủ. B. dân tộc bị chia rẽ sâu sắc.
C. tiến hành cải cách toàn diện. D. lựa chọn xã hội chủ nghĩa.

Câu 14. Một trong những nội dung phản ánh đúng về tình hình văn hóa của các nước Đông Nam Á sau khi giành được độc lập là

- A. nhiều giá trị văn hóa truyền thống bị mai một.
B. kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

C. văn hóa truyền thống dân tộc được truyền bá.

D. văn hóa phương Tây đã chiếm vai trò chủ đạo.

Câu 15. Điểm tích cực trong chính sách cai trị của thực dân phương Tây đối với các nước Đông Nam Á là gì?

A. Tạo điều kiện cho kinh tế phát triển về công nghiệp.

B. Hệ thống cơ sở hạ tầng nhà ga, bến cảng, đường xá.

C. Hệ thống an sinh xã hội đã được đầu tư quy mô lớn.

D. Xóa bỏ tệ nạn xã hội, nếp sống mới được xây dựng.

Câu 16. Sau khi giành độc lập, những năm 50 – 60 các nước Đông Nam Á thực hiện chiến lược nào để phát triển kinh tế?

A. Kinh tế hướng nội.

B. Kinh tế hướng ngoại.

C. Kinh tế bao cấp.

D. Kinh tế tập trung.

Câu 17. Sau khi giành độc lập, những năm 60 – 70 các nước Đông Nam Á thực hiện chiến lược nào để phát triển kinh tế?

A. Kinh tế hướng nội.

B. Kinh tế hướng ngoại.

C. Kinh tế bao cấp.

D. Kinh tế tập trung.

Câu 18. Tổ chức liên kết, hợp tác của các nước Đông Nam Á là

A. IMF.

B. ASEAN.

C. NATO.

D. WHO.

Câu 19. Sau khi giành độc lập, các quốc gia Đông Nam Á bắt tay vào quá trình tái thiết đất nước trong hoàn cảnh nào?

A. Nhiều khó khăn thử thách to lớn.

C. Viện trợ của các nước phương Tây.

B. Đã có cơ sở nền tảng vững chắc.

D. Sự ủng hộ của các nước đồng minh.

Câu 20. Sau khi giành độc lập, quá trình tái thiết đất nước của các quốc gia Đông Nam Á đã đạt kết quả nào sau đây?

A. Phát triển rất nhanh.

B. Lệ thuộc phương Tây.

C. Kinh tế nhiều hạn chế.

D. Cơ sở hạ tầng còn thấp.

Câu 21. Nguyên nhân chủ yếu nào dẫn tới phong trào kháng chiến của nhân dân các nước Đông Nam Á thất bại?

A. Sự chênh lệch về lực lượng và trang bị.

C. Phong trào diễn ra lẻ tẻ, thiếu sự liên kết.

B. Các nước Đông Nam Á không liên kết.

D. Ý chí xâm lược của các nước châu Âu.

Câu 22. Vì sao các nước thực dân phương Tây trong quá trình khai thác thuộc địa ở Đông Nam Á lại xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông vận tải tương đối hoàn thiện?

A. Khai hóa văn minh cho nhân dân.

C. Phục vụ nhu cầu cho cuộc khai thác.

B. Tạo ra liên kết kinh tế, môi trường.

D. Nâng cao trình độ dân trí người dân.

Câu 23. Đây là yếu tố quyết định đến mức độ độc lập của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sự viện trợ, chi phối từ bên ngoài.

C. Sự suy yếu của chủ nghĩa thực dân.

B. Sức mạnh của lực lượng kháng chiến.

D. Biết tận dụng tốt thời cơ khách quan.

Câu 24. Thuận cơ khách quan thuận lợi để một số nước Đông Nam Á đấu tranh giành độc lập sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc là

A. Nhật Bản bị ném hai quả bom nguyên tử.

C. sự suy yếu rõ nét của các nước thực dân.

B. Liên Xô tiêu diệt đạo quân Quan Đông.

D. phát xít Nhật Bản đầu hàng Đồng minh.

Câu 25. Điểm giống nhau của Xiêm và Nhật Bản trong đường lối phát triển đất nước giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là gì?

A. Tiến hành cải cách và trở thành cường quốc số 1 châu Á.

B. Điều lệ thuộc vào các nước phương thực dân phương Tây.

C. Tiến hành cải cách đất nước theo mô hình phương Tây.

D. Chưa đạt được mục đích trong công cuộc cải cách.

Câu 26. Điểm giống nhau về nguyên nhân dẫn đến thành công của cuộc cải cách ở Xiêm và Nhật Bản từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX là

A. vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đất nước. B. biết lợi dụng sự tranh chấp của thực dân Anh, Mỹ.

C. cắt những vùng đất phụ thuộc để bảo vệ chủ quyền. D. kiên quyết chống lại sự xâm lược của phương Tây.

Câu 27. Bài học nào mà Việt Nam có thể rút ra từ những cải cách ở nước Xiêm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX để bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc hiện nay?

A. Thực hiện mở cửa buôn bán tự do.

C. Áp dụng chính sách ngoại giao mềm dẻo.

B. Du nhập tự do văn hóa phương Tây.

D. Tiến hành cải cách toàn diện đất nước.

Câu 28. Em hãy nối dữ liệu của 2 cột để có được thông tin chính xác về việc các quốc gia Đông Nam Á là thuộc địa của thực dân phương Tây nào ?

A	Quốc gia Đông Nam Á	B	Thực dân phương Tây đô hộ.
1	Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia	A	Lê thuộc Anh, Pháp
2	Xiêm	B	Hà Lan
3	In-đô-nê-xia	C	Anh
4	Sin-ga-po	D	Pháp
5	Phi-lip-pin	E	Tây Ban Nha
6	Phi-lip-pin	F	Mỹ

- A. 1D, 2A, 3B, 4C, 5E, 6F
B. 1A, 2D, 3B, 4C, 5E, 6F
- C. 1B, 2C, 3D, 4A, 5E, 6F
D. 1C, 2A, 3B, 4D, 5E, 6F

Câu 29. Em hãy nối dữ liệu của 2 cột để có được thông tin chính xác về thời gian giành được độc lập của các quốc gia Đông Nam Á từ tay thực dân phương Tây ?

A	Quốc gia Đông Nam Á	B	Thời gian
1	Việt Nam	A	1946
2	Ma-lay-xia	B	1953
3	Cam-pu-chia	C	1957
4	Sin-ga-po	D	1984
5	Phi-lip-pin	E	1945
6	Bru-nây	F	1965

- A. 1E, 2C, 3B, 4F, 5A, 6D.
B. 1D, 2C, 3B, 4F, 5A, 6E.
- C. 1E, 2F, 3B, 4C, 5A, 6D.
D. 1E, 2A, 3B, 4F, 5C, 6D.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG – SAI.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Xuất phát từ mục tiêu khai thác thuộc địa, các nước thực dân phương Tây đã phát triển hệ thống giao thông vận tải, cầu cảng, nhà máy, hầm mỏ, đồn điền và du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào Đông Nam Á. Vì thế, diện mạo các quốc gia Đông Nam Á cũng có những biến đổi mang tính tích cực. Ở Việt Nam, hơn 80 năm cai trị của thực dân Pháp đã để lại những hậu quả nặng nề trên mọi lĩnh vực.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, trang 40)

- A. Trong quá trình cai trị Việt Nam, Pháp nhiều lần khai thác thuộc địa trên quy mô lớn.
- B. Thực dân phương Tây đầu tư vào giao thông vận tải để phục vụ khai thác và quân sự,
- C. Thực dân phương Tây đã thúc đẩy kinh tế Đông Nam Á phát triển hài hòa và cân đối.
- D. Những biến đổi tích cực ở Đông Nam Á chứng tỏ sự ưu việt của chế độ cai trị thực dân.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“10 giờ sáng ngày 17-8-1945, lãnh tụ Đảng Dân tộc In-đô-nê-xi-a là Xu-các-nô bước ra bên ngoài ngôi nhà riêng ở số 56 Pê-gang-san Ti-mu (Gia-các-ta) và đọc lời tuyên bố: “Chúng tôi, nhân dân In-đô-nê-xi-a, trình trọng tuyên bố nền độc lập của In-đô-nê-xi-a. Các vấn đề liên quan tới chuyển giao chính quyền và các vấn đề khác sẽ được quyết định một cách thận trọng trong thời gian ngắn nhất”. Bức thông điệp ngắn gọn này là bản Tuyên ngôn Độc lập của In-đô-nê-xi-a - quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 35)

- A. Năm 1945, Việt Nam, Lào, In-đô-nê-xia giành được độc lập từ thực dân Hà Lan.
- B. Tuyên bố của Xu-các-nô có giá trị như bản Tuyên ngôn độc lập của In-đô-nê-xia.
- C. In-đô-nê-xia đã tận dụng tốt cơ hội Nhật đầu hàng để đứng lên giành lại độc lập.
- D. Nguyên nhân quyết định để In-đô-nê-xia giành độc lập là sự suy yếu của Hà Lan.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra (1920 - 1939), nhân dân các dân tộc Đông Nam Á tiếp tục cuộc đấu tranh chống chính sách cai trị, bóc lột thuộc địa của các nước thực dân phương Tây với hai hình thức cải cách ôn hoà và bạo động vũ trang.

Từ năm 1930, nhiều đảng cộng sản được thành lập (Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Xiêm, Phi-líp-pin) để lãnh đạo phong trào đấu tranh. Khi phát xít Nhật mở rộng chiến tranh, lần lượt chiếm đóng các nước Đông Nam Á (1940 - 1945), cuộc đấu tranh chĩa mũi nhọn sang chống xâm lược và cai trị của quân phiệt Nhật.

Tháng 8 - 1945, chớp thời cơ Nhật đầu hàng đồng minh, nhân dân In-đô-nê-xi-a, Lào, Việt Nam đã vùng lên đánh đuổi quân phiệt Nhật giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho đất nước.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 38)

a. Hai hình thức đấu tranh chủ yếu của nhân dân Đông Nam Á chống thực dân phương Tây là ôn hòa và bạo động.

b. Nét mới trong phong trào đấu tranh chống thực dân phương Tây ở Đông Nam Á là xu hướng vô sản.

c. Nhật Bản đầu hàng đồng minh đã tạo ra điều kiện chủ quan thuận lợi để một số nước Đông Nam Á giải phóng dân tộc.

d. Ba nước Đông Nam Á giành được độc lập sớm nhất sau Chiến tranh thế giới thứ hai là Xiêm, Việt Nam và Lào.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Dưới ách cai trị và bóc lột tàn bạo của các thế lực thực dân, phát xít, hầu hết nền kinh tế Đông Nam Á đều yếu kém, lạc hậu, phụ thuộc vào kinh tế tư bản chủ nghĩa phương Tây. Về chính trị, chính sách “chia để trị” của thực dân đã khoét sâu mâu thuẫn vùng miền, sắc tộc, tôn giáo. Mâu thuẫn giữa các giai tầng trong xã hội gay gắt. Về văn hoá, chính sách đồng hoá văn hoá của thực dân phương Tây đã làm mai một không ít những giá trị văn hoá bản địa Đông Nam Á.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 39)

a. “Chia để trị” là chính sách cai trị về văn hóa, xã hội nổi bật của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

b. Văn hóa bản địa ở Đông Nam Á đã biến mất hoàn toàn trước sự cai trị của thực dân phương Tây.

c. Ở các nước Đông Nam Á, dưới ách cai trị của chủ nghĩa thực dân, mâu thuẫn dân tộc là bao trùm.

d. Sự yếu kém, lạc hậu của các nước Đông Nam Á ngày nay một phần là hệ quả của chủ nghĩa thực dân.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thực dân phương Tây tiến hành thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á dưới các hình thức khác nhau, nhưng đều có điểm chung là bên cạnh sự cai trị của chính quyền thực dân thì các thế lực phong kiến địa phương vẫn được duy trì như một công cụ để thi hành chính sách cai trị thuộc địa. Về hình thức cai trị, dù các nước thực dân áp đặt hình thức cai trị trực tiếp hay gián tiếp, nhưng các quyền hành chính, lập pháp, tư pháp, ngoại giao, quân sự,... của các thuộc địa vẫn tập trung trong tay đại diện của chính quyền thực dân. Chính sách “chia để trị” là phương thức phổ biến được thực dân phương Tây sử dụng nhằm chia rẽ, làm suy yếu sức mạnh dân tộc của các nước Đông Nam Á...”

(SGK Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 33)

a. Để cai trị, thực dân phương Tây vẫn chủ trương duy trì chế độ phong kiến độc lập.

b. Dùng người bản xứ cai trị và đàn áp người bản xứ là một biện pháp xuyên suốt.

c. Chia để trị là hình thức cai trị nổi bật của chủ nghĩa thực dân mới ở Đông Nam Á.

d. Mâu thuẫn dân tộc trở thành mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Đông Nam Á khi đó.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Từ năm 1920 đến năm 1945, nhiều đảng phái và tổ chức chính trị mới đã ra đời ở Đông Nam Á. Tiêu biểu trong số này là Đảng Lập hiến, Việt Nam Quốc dân đảng, Đảng Cộng sản Đông Dương (Việt Nam, Đông Dương); Đảng Dân tộc, Đảng Cộng sản (In-đô-nê-xi-a); Đảng Tha-khin, Đảng Cộng sản (Mi-an-ma); Đại hội toàn Mã Lai (Ma-lai-xi-a); Đảng Cộng sản Phi-lip-pin.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 37)

a. Tư liệu nói về sự ra đời của các tổ chức theo khuynh hướng vô sản ở Đông Nam Á.

b. Các tổ chức trên ra đời là biểu hiện cho sự phát triển của ý thức, phong trào dân tộc.

c. Năm 1945, do chuẩn bị chu đáo, một số nước Đông Nam Á đã giành độc lập dân tộc.

d. Hai khuynh hướng chủ yếu trong phong trào dân tộc ở khu vực là tư sản và vô sản.

Bài 7: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1945)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.

Câu 1. Trong lịch sử, dân tộc Việt Nam vừa tiến hành xây dựng đất nước, vừa phải làm nhiệm vụ nào?

- A. Bảo vệ tổ quốc.
- B. Bầu cử quốc hội.
- C. Giải quyết nạn đói.
- D. Xóa nạn mù chữ.

Câu 2. Trong lịch sử, Việt Nam luôn phải tiến hành các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc vì lý do nào sau đây?

- A. Do có vị trí địa chiến lược quan trọng.
- B. Có diện tích và dân số lớn nhất khu vực.
- C. Có trữ lượng lớn về tài nguyên dầu khí.
- D. Chế độ phong kiến luôn khủng hoảng.

Câu 3. Trong thời kỳ phong kiến, đối tượng xâm lược Việt Nam chủ yếu đến từ

- A. Nhật Bản.
- B. Trung Quốc.
- C. Phương Tây.
- D. Thái Lan.

Câu 4. Triều đại nào sau đây đã 3 lần tiến hành kháng chiến đánh bại quân Mông – Nguyên ở thế kỷ XIII?

- A. Triều Hồ.
- B. Triều Trần.
- C. Triều Lý.
- D. Triều Lê.

Câu 5. Tư tưởng “Tiên phát chế nhân” là nét nổi bật của cuộc kháng chiến nào trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Kháng chiến chống Tống thời Lý.
- B. Kháng chiến chống Minh thời Lý.
- C. Kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê.
- D. Kháng chiến chống Thanh thời Tây Sơn.

Câu 6. Dòng sông nào đã ghi dấu ấn lịch sử trong các cuộc kháng chiến chống Nam Hán, chống Tống và chống Mông – Nguyên trong lịch sử Việt Nam?

- A. Sông Lục Nam.
- B. Sông Cửu Long.
- C. Sông Bạch Đằng.
- D. Sông Vàm Cỏ.

Câu 7. Bài thơ thần “Nam Quốc Sơn Hà” được ra đời trong bối cảnh của cuộc kháng chiến nào sau đây?

- A. Kháng chiến chống quân Minh thời Hồ.
- B. Kháng chiến chống Nam Hán thời Ngô.
- C. Kháng chiến chống quân Tống thời Lý.
- D. Kháng chiến chống Thanh thời Tây Sơn.

Câu 8. “Đánh cho đứt dãi tóc. Đánh cho đứt đẹn răng. Đánh cho nó chích luân bất phản. Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn. Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ” là lời hịch trong cuộc kháng chiến nào sau đây?

- A. Kháng chiến chống Nguyên thời Trần.
- B. Kháng chiến chống Pháp thời Nguyễn.
- C. Kháng chiến chống Thanh thời Tây Sơn.
- D. Kháng chiến chống quân Tống thời Lý.

Câu 9. Kế sách dùng cọc nhọn đóng xuống sông để chẹn ngự thuyền chiến của địch đã được sử dụng đầu tiên trong cuộc kháng chiến nào sau đây?

- A. Kháng chiến chống quân Nam Hán thế kỷ X.
- B. Kháng chiến chống quân Nguyên thế kỷ XIII.
- C. Kháng chiến chống quân Minh thế kỷ XIV.
- D. Kháng chiến chống quân Thanh thế kỷ XVIII.

Câu 10. Cuộc kháng chiến nào trong lịch sử Việt Nam đã mở ra thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài cho dân tộc?

- A. Kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938.
- B. Kháng /c chống Tống thời Tiền Lê năm 981.
- C. Kháng chiến chống Tống thời Lý năm 1077.
- D. Khởi nghĩa Lam Sơn từ năm 1417 đến 1427.

Câu 11. “Lá cờ thù sáu chữ vàng”, “bóp nát quả cam” là những biểu tượng về người anh hùng nào trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Lý Thường Kiệt.
- B. Trần Quốc Tuấn.
- C. Trần Quốc Tuấn.
- D. Hồ Nguyên Trừng.

Câu 12. “Bạch Đằng Giang phú” là bài phú nổi tiếng của Trương Hán Siêu viết về sự kiện nào trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938.
- B. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.
- C. Chiến thắng Ngọc Hồi năm 1789.
- D. Chiến thắng Như Nguyệt năm 1077.

Câu 13. Một trong những bài học kinh nghiệm có giá trị to lớn của cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên thế kỷ XIII đã được Trần Quốc Tuấn căn dặn vua Trần là gì?

- A. Tư tưởng lấy chí nhân thay cường bạo.
- B. Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc.
- C. Chiến thuật tâm công đánh vào lòng người.
- D. Bài học tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 14. Một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam được hình thành và phát triển trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm là

- A. truyền thống yêu nước.
- B. truyền thống hiếu học.
- C. truyền thống quân phiệt.
- D. truyền thống hiếu thảo.

Câu 15. Trong tác phẩm “Bình Ngô đại cáo”, Nguyễn Trãi viết: “cha con bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới. Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”. Điều đó thể hiện truyền thống nổi bật nào của dân tộc Việt Nam trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm?

- A. Truyền thống đoàn kết.
- B. Truyền thống yêu nước.
- C. Truyền thống hiếu học.
- D. Truyền thống hiếu thảo.

Câu 16. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống

ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam thế kỷ X đến XIX là do

- A. tình hình quốc tế không thuận lợi cho cuộc kháng chiến.
- B. nhân dân không có tinh thần chiến đấu chống xâm lược.
- C. kẻ thù có sức mạnh kinh tế, khoa học kỹ thuật vượt trội.
- D. triều đình không đoàn kết được nhân dân để kháng chiến.

Câu 17. Điều không phải là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam được hình thành và phát triển qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm?

- A. Tinh thần tương thân, tương ái.
- B. Tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc.
- C. Truyền thống yêu nước, thủy chung.
- D. Truyền thống quân phiệt hiếu chiến.

Câu 18. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến nào sau đây **không** giành được thắng lợi?

- A. Kháng chiến chống quân Nam Hán thế kỷ X.
- B. Kháng chiến chống quân Thanh thế kỷ XVIII.
- C. Kháng chiến chống quân Tống thế kỷ XI.
- D. Kháng chiến chống thực dân Pháp thế kỷ XIX.

Câu 19. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến nào sau đây **không** giành được thắng lợi?

- A. Kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ.
- B. Kháng chiến chống quân Thanh của Quang Trung.
- C. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên của nhà Trần.
- D. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền.

Câu 20. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến nào sau đây **không** giành được thắng lợi?

- A. Kháng chiến chống quân Triệu của An Dương Vương.
- B. Kháng chiến chống quân Thanh của Quang Trung.
- C. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên của nhà Trần.
- D. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền.

Câu 21. Trong cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (1075 – 1077), khi đã cơ bản đánh bại lực lượng quân sự của kẻ thù, nhà Lý đã chủ động

- A. ký hiệp định để giữ thế thắng.
- B. cầu hòa để giữ quan hệ hòa hiếu.
- C. thương lượng để lấy lại đất đai.
- D. đàm phán để chấm dứt chiến tranh.

Câu 22. Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên – Mông ở thế kỷ XIII, để đoàn kết nhân dân cả nước, quyết tâm đánh giặc, nhà Trần đã tổ chức

- A. hội nghị Diên Hồng.
- B. Quốc dân đại hội.
- C. Hội nghị Bình Than.
- D. Hội thề Lũng Nhai.

Câu 23. Trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, để tập hợp lực lượng đặt cơ sở cho sự hình thành hạt nhân đầu tiên, Lê Lợi đã tổ chức

- A. Hội nghị Diên Hồng.
- B. Hội nghị Bình Than.
- C. Hội thề Lũng Nhai.
- D. Hội thề Đông Quan.

Câu 24. Trong suốt thời kỳ Bắc thuộc, các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam chống lại ách đô hộ của phương Bắc có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài.
- B. Luôn thắng lợi, giành được độc lập.
- C. Diễn ra liên tục, sôi nổi, rộng khắp.
- D. Diễn ra trong điều kiện thuận lợi.

Câu 25. Một trong những vai trò của cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn (thế kỷ XVIII) là

- A. lật đổ chính quyền cai trị phương Bắc.
- B. thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. xóa bỏ tình trạng đất nước bị chia cắt.
- D. đem lại tự do, dân chủ cho nhân dân.

Câu 26. Một trong những vai trò của cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn (thế kỷ XVIII) là

- A. đảm nhận sứ mệnh bảo vệ tổ quốc.
- B. thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. lật đổ chính quyền cai trị phương Bắc.
- D. thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân.

Câu 27. Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, cuộc khởi nghĩa nào sau đây vừa là cuộc đấu tranh giai cấp, vừa đảm nhận sứ mệnh chiến tranh bảo vệ tổ quốc?

- A. Khởi nghĩa Tây Sơn.
- B. Khởi nghĩa Lam Sơn.
- C. Khởi nghĩa Bà Triệu.
- D. Khởi nghĩa Lý Bí.

Câu 28. Điều **không** phải là một trong những nguyên nhân dân tộc tới thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam (thế kỷ X – thế kỷ XVIII)?

- A. Truyền thống dân tộc được phát huy.
- B. Vũ khí, trang bị tốt hơn hẳn kẻ thù.
- C. Có sự lãnh đạo tài giỏi, sáng suốt.
- D. Biết phát huy sức mạnh toàn dân.

Câu 29. Nhận xét nào sau đây là đúng về nguyên nhân chung dẫn tới thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam (từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII)?

- A. Có vũ khí, trang bị tốt hơn kẻ thù.
- B. Biết phát huy đoàn kết quốc tế.
- C. Biết phát huy sức mạnh nội lực.
- D. Luôn sử dụng cách đánh lâu dài.

Câu 30. Điều **không** phải là bài học kinh nghiệm được rút ra từ các cuộc khởi nghĩa và kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Sức mạnh nội lực luôn là yếu tố quyết định thắng lợi.
- B. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- C. Luôn lấy đấu tranh quân sự để giải quyết mọi xung đột.
- D. Có cách đánh sáng tạo, phù hợp với đối tượng kẻ thù.

Câu 31.

*“Bạch Đằng nhất trận hỏa công.
Tặc binh đại phá huyết hồng Mãn Giang”.*

Hai câu thơ trên nói đến sự kiện nào trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam?

- A. Chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 1288.
- B. Chiến thắng Chi Lăng Xương Giang năm 1427.
- C. Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa năm 1789.
- D. Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút năm 1785.

Câu 32. Điều **không** phải là bài học kinh nghiệm được rút ra từ các cuộc khởi nghĩa và kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Luôn phải tranh thủ sự ủng hộ quốc tế để đấu tranh.
- B. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- C. Sức mạnh nội lực luôn là yếu tố quyết định thắng lợi.
- D. Có cách đánh sáng tạo, phù hợp với đối tượng kẻ thù.

Câu 33. Điều là bài học kinh nghiệm được rút ra từ sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Muốn kháng chiến thành công cần đoàn kết được lòng dân.
- B. Vũ khí hiện đại là nhân tố quyết định thành bại kháng chiến.
- C. Cần có chính sách đối ngoại mềm mỏng, tránh gây xung đột.
- D. Xây dựng lực lượng quân đội chính quy đông đảo, tinh nhuệ.

Câu 34. Cuộc kháng chiến của nhà Hồ chống quân Minh (1407) thất bại vì một trong những lý do nào sau đây?

- A. Nhà Hồ không phát huy được thế mạnh của truyền thống dân tộc.
- B. Vũ khí, trang bị của quân đội nhà Hồ yếu kém, lạc hậu hơn kẻ thù.
- C. Nhà Hồ chủ động tiến công, nhưng thế của quân Minh quá mạnh.
- D. Đa số các quý tộc, tôn thất nhà Trần đầu hàng và hỗ trợ nhà Minh.

Câu 35. Nội dung nào phản ánh **không** đúng bài học lịch sử rút ra từ các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Luôn nhân nhượng kẻ thù xâm lược để giữ môi trường hòa bình.
- B. Chú trọng việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.
- C. Tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện “toàn dân đánh giặc”.
- D. Phát động khẩu hiệu đấu tranh phù hợp để tập hợp lực lượng.

Câu 36. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1417 - 1427)?

- A. Mang tính chất chính nghĩa, giải phóng dân tộc và tính nhân dân sâu sắc.
- B. Mang tính dân chủ, dùng sức mạnh quân sự đè bẹp ý chí xâm lược kẻ thù.
- C. Từ khởi nghĩa địa phương phát triển thành chiến tranh giải phóng dân tộc.

D. Thể hiện tư tưởng nhân nghĩa, kết hợp quân sự và ngoại giao khéo léo.

Câu 37. Nhận xét nào sau đây **không** đúng về phong trào nông dân Tây Sơn thế kỷ XVIII?

A. Đảm nhận vai trò thống nhất đất nước và bảo vệ tổ quốc, chống xâm lược.

B. Thể hiện khả năng to lớn của người nông dân nếu được tổ chức, lãnh đạo.

C. Đã chấm dứt hoàn toàn chế độ quân chủ, mở ra thời đại mới trong lịch sử.

D. Tạo điều kiện cho sự thống nhất mọi mặt của đất nước ở giai đoạn sau đó.

Câu 38. Nhận xét nào sau đây là đúng về phong trào nông dân Tây Sơn thế kỷ XVIII?

A. Chấm dứt sự tồn tại của các triều đại phong kiến, mở ra thời cận đại.

B. Đem đến sự thống nhất hoàn toàn cho đất nước sau hàng trăm năm.

C. Từ phong trào nông dân tiến lên đảm nhận nhiều sứ mệnh lịch sử.

D. Mang tính chất chính nghĩa, dân tộc, dân chủ và nhân dân sâu sắc.

Câu 39. Điểm tương đồng về nghệ thuật kết thúc chiến tranh của cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077) và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1417 – 1427) là gì?

A. Kiên quyết không đàm phán, dùng thắng lợi quân sự để kết thúc chiến tranh.

B. Chủ động đàm phán khi bắt đầu tiến hành các hoạt động chiến tranh.

C. Chủ động kết thúc chiến tranh khi đã có thế mạnh trên mặt trận quân sự.

D. Chú trọng tư tưởng “hòa để tiến”, kết hợp tiến công và đàm phán hòa bình.

Câu 40. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về phong trào Tây Sơn (1771-1802) đối với tiến trình lịch sử Việt Nam?

A. Là cuộc khởi nghĩa nông dân to lớn giành thắng lợi, mở ra một triều đại trong lịch sử.

B. Đây là phong trào đấu tranh đã mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do vĩnh viễn cho dân tộc.

C. Từ một cuộc khởi nghĩa nông dân đã vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dân tộc.

D. Đây là phong trào nông dân đảm nhiệm sứ mệnh đấu tranh thống nhất đất nước.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Việt Nam thuộc khu vực Đông Nam Á - khu vực nằm trên trục đường giao thông quan trọng kết nối châu Á và châu Đại Dương, Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Việt Nam cũng là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á, giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo. Cùng với nguồn tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc,... Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng. Vì vậy, trong suốt tiến trình lịch sử, Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 44)

a. Tư liệu cho biết một trong những nguyên nhân Việt Nam thường xuyên bị xâm lược.

b. Các triều đại phong kiến Trung Quốc xâm lược Việt Nam đều có chung một mục đích.

c. Tất cả các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc đều giành thắng lợi.

d. Liên tục phải tiến hành các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc đã làm suy yếu Việt Nam.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuối năm 980, lợi dụng tình hình khó khăn của Đại Cồ Việt, nhà Tống huy động một đạo quân do tướng Hầu Nhân Bảo chỉ huy kéo sang xâm lược, mặt khác sai Lư Đa Tốn đưa thư đe dọa, vận nước lâm nguy, vua Lê Hoàn đích thân lãnh đạo quân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, trang 45)

A. Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất cuối thế kỷ X do Lê Hoàn chỉ huy.

B. Nguyên nhân quyết định thắng lợi của kháng chiến là do sự ủng hộ của nhân dân.

C. Đây là cuộc kháng chiến đầu tiên trong lịch sử dân tộc giành được thắng lợi to lớn.

D. Sau thắng lợi này, thời kỳ Bắc thuộc chấm dứt, Việt Nam bước vào độc lập tự chủ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sau khi thôn tính toàn bộ Nam Tống, Hốt Tất Liệt ra lệnh đóng thuyền chiến chuẩn bị tấn công xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Nhà Trần triệu tập hội nghị Bình Than (1282) và hội nghị Diên Hồng (1284) khẳng định quyết tâm cả nước đứng lên chống ngoại xâm. Trần Quốc Tuấn được cử làm Quốc công tiết chế chỉ huy các lực lượng kháng chiến.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, trang 48)

- A.** Mông, Nguyên là hai triều đại lớn của Trung Quốc đã liên tiếp xâm lược Đại Việt.
- B.** Nhà Nguyên đóng thuyền nhằm khắc phục khó khăn trong cuộc xâm lược lần nhất.
- C.** Lần đầu tiên nhà Trần tổ chức hội nghị lấy ý kiến toàn dân về một vấn đề trọng đại.
- D.** Trần Quốc Tuấn giữ vai trò lãnh đạo tối cao trong 3 cuộc kháng chiến chống Nguyên.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam mang tính chính nghĩa, chống kẻ thù xâm lược. Vì thế đã huy động được sức mạnh toàn dân, hình thành thế trận "cả nước đánh giặc, toàn dân là lính".

Truyền thống yêu nước và ý chí kiên cường bất khuất trong đấu tranh bảo vệ nền độc lập của nhân dân Đại Việt là nhân tố quyết định thắng lợi của các cuộc kháng chiến. Có đội ngũ những nhà lãnh đạo và tướng lĩnh mưu lược, tài giỏi, biết vận dụng đúng đắn, sáng tạo, truyền thống và nghệ thuật quân sự vào thực tiễn các cuộc kháng chiến.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 52)

- a.** Chiến tranh bảo vệ tổ quốc là các cuộc chiến tranh mang tính chính nghĩa, tiến bộ.
- b.** Nhân tố quyết định thắng lợi trong các cuộc kháng chiến là sự lãnh đạo của đảng.
- c.** Nội dung quan trọng nhất trong đường lối kháng chiến của Việt Nam là toàn dân.
- d.** Nghệ thuật quân sự Việt Nam luôn được kế thừa và phát huy trong kháng chiến.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Phong trào Tây Sơn là sự hội tụ và phát triển đến đỉnh cao của phong trào nông dân khởi nghĩa chống áp bức phong kiến cuối thế kỉ XVIII. Phong trào đã lật đổ các chính quyền chúa Nguyễn, chúa Trịnh, xoá bỏ ranh giới Đàng Trong và Đàng Ngoài, đặt nền móng cho việc khôi phục nền thống nhất đất nước.

Với chiến thắng chống quân xâm lược Xiêm, Thanh, phong trào Tây Sơn đã giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ đấu tranh giai cấp và đấu tranh giải phóng dân tộc. Để lại những bài học quý báu về tư tưởng và nghệ thuật quân sự chống ngoại xâm.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 61)

- a.** Phong trào Tây Sơn đã hoàn thành việc thống nhất đất nước cả về lãnh thổ lẫn nhà nước.
- b.** Kháng chiến chống Xiêm, Thanh của phong trào Tây Sơn đã thực hiện nhiệm vụ dân tộc.
- c.** Động lực chủ yếu tham gia và thúc đẩy phong trào Tây Sơn thắng lợi là giai cấp nông dân.
- d.** Phong trào Tây Sơn đã dẫn tới thành lập vương triều Tây Sơn với nhiều chính sách tiến bộ.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò đặc biệt đối với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất và toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ quốc gia; quyết định sự tồn vong của quốc gia, dân tộc trước các cuộc chiến tranh xâm lược và can thiệp từ bên ngoài. Các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có tác động lớn đến quá trình hình thành quốc gia, dân tộc; đến tiến trình lịch sử dân tộc và chính sách quản lý đất nước. Kết quả của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cũng ảnh hưởng đến tính chất xã hội và công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, văn hoá.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 43)

- a.** Chiến tranh bảo vệ tổ quốc quyết định đến sự tồn vong sinh tử của quốc gia, dân tộc.

- b. Nhờ chiến tranh bảo vệ tổ quốc, lãnh thổ quốc gia được giữ vững và mở rộng liên tục.
- c. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc chỉ xảy ra với các quốc gia có vị trí chiến lược quan trọng.
- d. Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, chiến tranh bảo vệ tổ quốc chỉ chống phương Bắc.

Bài 8

MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN – CUỐI THẾ KỈ XIX)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.

Câu 1. Các cuộc khởi nghĩa trong thời kỳ Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào?

- A.** Đất nước có độc lập, chủ quyền.
- B.** Đất nước mất độc lập, tự chủ.
- C.** Đất nước thống nhất, chủ quyền.
- D.** Nhân dân Việt Nam đã bị đồng hóa.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây đã mở đầu thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam?

- A.** Hai Bà Trưng.
- B.** Bà Triệu.
- C.** Khúc Thừa Dụ.
- D.** Phùng Hưng.

Câu 3. Trong thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc, cuộc khởi nghĩa nào của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi và lập ra nhà nước Vạn Xuân?

- A.** Hai Bà Trưng.
- B.** Bà Triệu.
- C.** Lý Bí.
- D.** Phùng Hưng.

Câu 4. Sự kiện nào sau đây đã kết thúc thời kỳ Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc Việt Nam?

- A.** Khởi nghĩa Phùng Hưng lật đổ ách đô hộ của nhà Đường.
- B.** Khởi nghĩa Lý Bí chống nhà Lương, lập nhà nước Vạn Xuân.
- C.** Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 do Ngô Quyền lãnh đạo.
- D.** Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo kết thúc thắng lợi.

Câu 5. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc có một trong những đặc điểm nào sau đây?

- A.** Diễn ra sôi nổi, liên tục và mạnh mẽ.
- B.** Diễn ra trên phạm vi từ Bắc đến Nam.
- C.** Đã lập được nhà nước độc lập tự chủ.
- D.** Các cuộc khởi nghĩa đều thắng lợi.

Câu 6. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến bùng nổ các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc là do

- A.** nhân dân Việt Nam đã thiết lập được chính quyền vững mạnh.
- B.** chính quyền đô hộ của phương Bắc khủng hoảng, tổ chức lỏng lẻo.
- C.** ách cai trị, bóc lột nặng nề của chính quyền đô hộ phương Bắc.
- D.** do mâu thuẫn của các thủ lĩnh người Việt với chính quyền đô hộ.

Câu 7. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam thời Bắc thuộc, thuật ngữ “khởi nghĩa” được hiểu là

- A.** cuộc đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ.
- B.** phong trào đấu tranh của nông dân nghèo.
- C.** phong trào đấu tranh của thợ thủ công.
- D.** đấu tranh bảo vệ nền độc lập, chủ quyền.

Câu 8. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, thuật ngữ “kháng chiến” được hiểu là

- A.** cuộc đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ.
- B.** phong trào đấu tranh của nông dân nghèo.
- C.** phong trào đấu tranh của thợ thủ công.
- D.** đấu tranh bảo vệ nền độc lập, chủ quyền.

Câu 9. Thời kỳ Bắc thuộc ở Việt Nam bắt đầu sau thất bại của

A. An Dương Vương (179 TCN).

B. khởi nghĩa Hai Bà Trưng (43).

C. khởi nghĩa Bà Triệu (248).

D. khởi nghĩa Lý Nam Đế (542).

Câu 10. Cuộc khởi đầu tiên chống lại sự cai trị của các triều đại Trung Quốc trong thời kỳ Bắc thuộc là

A. khởi nghĩa của Hai Bà Trưng.

B. cuộc chiến đấu chống giặc Ân.

C. cuộc chiến chống lại quân Tần.

D. chiến tranh Âu Lạc - Triệu Đà.

Câu 11. Sau khi chiếm được nước ta, nhà Hán đã phân chia thành ba quận là

A. Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam.

B. Giao Chỉ, Chăm-pa và Nhật Nam.

C. Giao Chỉ, Cửu Châu và Phù Nam.

D. Chăm-pa, Cửu Chân và Nhật Nam.

Câu 12. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) nhằm lật đổ ách thống trị của triều đại nào?

A. Đông Hán.

B. Đường.

C. Tống.

D. Nguyên.

Câu 13. Chức quan mà nhà Hán đặt ra để cai trị nhân dân ta là

A. Thái thú.

B. Tổng đốc.

C. Tư đồ.

D. Giám quan.

Câu 14. Viên tướng chỉ huy quân Hán đàn áp cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng là

A. Mã Viện.

B. Triệu Tiết.

C. Quách Quỳ.

D. Lý Tán.

Câu 15. Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248) nhằm lật đổ ách thống trị của triều đại nào?

A. Ngô.

B. Minh.

C. Tống.

D. Thanh.

Câu 16. Nước Vạn Xuân được thành lập (năm 544) là kết quả của cuộc khởi nghĩa nào?

A. Lý Bí.

B. Ngô Quyền.

C. Phùng Hưng.

D. Quang Trung.

Câu 17. Kế sách nào được Ngô Quyền sử dụng để đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938?

A. Hoà hoãn.

B. Hoãn binh.

C. Đóng cọc.

D. Trá hàng.

Câu 18. Dã Trạch Vương là danh hiệu của vị vua nào trong lịch sử Việt Nam?

A. Triệu Quang Phục.

B. Đinh Bộ Lĩnh.

C. Lê Thánh Tông.

D. Lý Phật Tử.

Câu 18. Ý nghĩa quan trọng nhất của khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ (đầu thế kỷ X) đối với dân tộc Việt Nam là gì?

A. Giành lại nền độc lập lâu dài, bền vững.

B. Chấm dứt thời kỳ phong kiến Bắc thuộc.

C. Mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.

D. Đã căn bản khôi phục chủ quyền dân tộc.

Câu 20. Nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc (179 TCN đến năm 938) là

A. chênh lệch về tương quan lực lượng.

B. không được sự ủng hộ của nhân dân.

C. quý tộc người Việt chống đối, đàn áp.

D. điều kiện thời tiết quá khắc nghiệt.

Câu 21. Mâu thuẫn bao trùm xã hội Việt Nam thời Bắc thuộc là :A. giữa toàn thể nhân dân và chính quyền đô hộ.

B. giữa nhân dân và những quý tộc người Việt.

C. giữa quý tộc người Việt và chính quyền đô hộ.

D. giữa toàn thể nông dân và chính quyền đô hộ.

Câu 22. Nội dung nào sau đây là điểm khác biệt của các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc (179 TCN đến năm 938)?

- A. Hoàn cảnh lịch sử dẫn tới khởi nghĩa.
- B. Tinh thần tham gia đấu tranh của dân.
- C. Mục đích để tiến hành cuộc khởi nghĩa.
- D. Sự ủng hộ của nhân dân khi khởi nghĩa.

Câu 23. Từ thắng lợi của các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa trong lịch sử dân tộc Việt Nam, có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

- A. Duy trì khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- B. Kiên trì sự lãnh đạo duy nhất của Đảng.
- C. Thực hiện tinh thần đoàn kết quốc tế.
- D. Nhờ sự giúp đỡ của nhân dân thế giới

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Năm 40, Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Hát Môn (Phúc Thọ, Hà Nội). Nghĩa quân đánh chiếm Mê Linh (Hà Nội), Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội) và Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh). Thái thú Tô Định bỏ chạy về nước. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi bước đầu, Trưng Trắc lên làm vua.”

Tư liệu 2: “Năm 248, Triệu Thị Trinh lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa. Nhà Ngô huy động một lực lượng lớn mới đàn áp được.”

Tư liệu 3: “Khoảng năm 776, Phùng Hưng khởi nghĩa ở Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), đánh chiếm phủ thành Tống Bình, quản lí đất nước trong một thời gian.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 51)

- A. Tư liệu 1,2,3 nêu ra các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta trong thời kỳ Bắc thuộc.
- B. Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng (776) đã giành lại độc lập tự chủ lâu dài cho dân tộc.
- C. Khởi nghĩa hai Bà Trưng đã mở đầu thời kỳ đấu tranh vũ trang chống Bắc thuộc.
- D. Trong thời kỳ Bắc thuộc, các cuộc khởi nghĩa diễn ra liên tục trên phạm vi rộng.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Dân ta có lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, trang 56)

- A. Tư liệu đề cập đến bài viết của Bác về truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam.
- B. Truyền thống yêu nước được du nhập từ bên ngoài thông qua con đường buôn bán.
- C. Trong kháng chiến chống ngoại xâm, tinh thần yêu nước trở nên mạnh mẽ, cao thượng.
- D. Yêu nước là yếu tố quan trọng để dân tộc ta chưa từng thất bại khi chống ngoại xâm.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hơn một nghìn năm dưới ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc, nhân dân Việt đã không ngừng vùng lên khởi nghĩa giành lại nền độc lập, tự chủ. Tiêu biểu nhất là các cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng,... Các cuộc khởi nghĩa chống các triều đại phong kiến phương Bắc là minh chứng hào hùng cho tinh thần quật khởi, khẳng định sức sống mãnh liệt của ý thức dân tộc, tinh thần độc lập tự chủ của nhân dân Việt.

Thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc để lại những bài học kinh nghiệm lịch sử quý báu, đóng góp vào kho tàng kinh nghiệm đấu tranh giải phóng dân tộc của

nhân dân Việt Nam.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 58)

- a. Các cuộc khởi nghĩa thời Bắc thuộc đều nhằm mục tiêu khôi phục nền độc lập, tự chủ.
- b. Các cuộc khởi nghĩa đều giành được chính quyền và khôi phục lại nền độc lập, tự chủ.
- c. Tinh thần yêu nước độc lập tự chủ quyết định sự tồn tại của dân tộc trong thời Bắc thuộc.
- d. Chỉ có các cuộc khởi nghĩa thời chống Bắc thuộc mới mang tính chất dân tộc sâu sắc.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

“Sau khi nhà Hồ thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược (năm 1407), Đại Việt rơi vào ách đô hộ của nhà Minh. Chính quyền đô hộ nhà Minh đã thẳng tay đàn áp, khủng bố tàn bạo đối với dân chúng, thiết lập nền thống trị hà khắc, thực thi chính sách triệt để vơ vét của cải và phá hoại, thủ tiêu nền văn hoá Đại Việt...”

Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã quét sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi Đại Việt, chấm dứt 20 năm thống trị của nhà Minh, giành lại nền độc lập dân tộc. Khởi nghĩa Lam Sơn là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu cho ý chí và tinh thần độc lập của nhân dân Đại Việt đầu thế kỉ XV. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đưa đến sự thành lập nhà Lê sơ - một triều đại phong kiến phát triển hùng mạnh trong lịch sử dân tộc.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 58 – 60)

- a. Nhà Hồ kháng chiến chống Minh thất bại, Đại Ngu rơi vào thời kỳ ngàn năm Bắc thuộc.
- b. Chính sách nhất quán của nhà Minh là đồng hóa văn hóa và thủ tiêu nền văn hóa dân tộc.
- c. Khởi nghĩa Lam Sơn đã đảm nhận sứ mệnh giải phóng dân tộc, khôi phục nền độc lập.
- d. Nhà Lê thành lập sau chống Minh là triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử dân tộc.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, có tính chất nhân dân rộng rãi. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi đã chấm dứt thời kì đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền độc lập dân tộc, đập tan âm mưu thủ tiêu nền văn hoá Đại Việt, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 54)

- a. Khởi nghĩa Lam Sơn nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của nhà Minh.
- b. Dân chủ rộng rãi, nhân dân sâu sắc là tính chất nổi bật của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- c. Sau thắng lợi khởi nghĩa Lam Sơn, Đại Việt bước vào thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài.
- d. Khởi nghĩa Lam Sơn là phong trào nông dân cuối cùng trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Vua có tài văn võ, trước làm quan với nhà Lương, gặp loạn, trở về Thái Bình, bấy giờ bọn thủ lệnh tàn bạo hà khắc, Lâm Ấp cướp phủ ngoài biên, vua đẩy binh đánh đuổi được, xưng là Nam Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên.

Tư liệu 2: Cuộc khởi nghĩa Lý Bí với sự ra đời của nhà nước Vạn Xuân đã khẳng định ý chí và sức mạnh của người Việt trong cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ của chính quyền phương Bắc, đồng thời cho thấy khả năng thắng lợi trong công cuộc khởi nghĩa giành lại độc lập, tự chủ. Cuộc khởi nghĩa cũng để lại những bài học quan trọng về chính trị và quân sự trong quá trình giành độc lập, tự chủ về sau.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 56)

- a. Tư liệu 1 nói về nhân vật Lý Bí và cuộc khởi nghĩa dựng nên nhà nước Vạn Xuân.
- b. Tư liệu 2 nói về ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cuộc khởi nghĩa Lý Bí.
- c. Cuộc khởi nghĩa Lý Bí đã chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc, mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ.
- d. Đây là cuộc khởi nghĩa đầu tiên giành thắng lợi và lập chính quyền độc lập, tự chủ.